

CỦA ĐƠN SỐ: **2477/QĐ-BGTVT**

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2015

CÔNG VĂN BẢN
Số: *291*
Ngày: *16/7/15*
Trình Lãnh đạo:
Chức vụ:

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch chi tiết hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị, quản lý xây dựng theo quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 214/QĐ-TTg ngày 10/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 10/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 08/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-BGTVT ngày 18/6/2012 của Bộ GTVT về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết đường sắt khu đầu mối Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1556/QĐ-BGTVT ngày 06/6/2013 của Bộ GTVT

về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết đường sắt khu đầu mối thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8893:2011 “Cấp kỹ thuật đường sắt”;

Xét Tờ trình số 1187/TTr-CĐSVN ngày 08/6/2015 của Cục Đường sắt Việt Nam về việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ Quy hoạch chi tiết hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc Nam hiện có với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi

- Tuyến đường sắt Bắc - Nam hiện có (Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh).
- Điểm đầu: ga Hà Nội.
- Điểm cuối: Ga Hòa Hưng (ga Sài Gòn).

2. Mục tiêu

- Khai thác có hiệu quả tuyến đường sắt Bắc - Nam hiện có trên cơ sở nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia tùy thuộc vào điều kiện địa hình cụ thể theo các khu đoạn nhằm đảm bảo khai thác với vận tốc bình quân 80-90 km/h với tàu khách, 50-60 km/h với tàu hàng; năng lực vận tải đạt 15-16 triệu hành khách/năm, 5-6 triệu tấn hàng/năm; năng lực thông qua ≥ 25 đôi tàu/ngày.đêm.

- Bảo đảm hoạt động giao thông vận tải đường sắt thông suốt, trật tự, an toàn, chính xác và hiệu quả trên tuyến đường sắt Bắc - Nam hiện có, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

- Từng bước nâng cao thị phần vận tải, tăng lượng luân chuyển hành khách và hàng hóa bằng đường sắt theo mục tiêu chiến lược và quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường sắt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Kết nối đường sắt quốc gia với các cảng biển, các khu công nghiệp tập trung, các khu du lịch, nhằm phát huy được hiệu quả của vận tải đường sắt, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Tiến tới thống nhất cấp tải trọng trên toàn tuyến.

3. Nội dung

3.1. Nâng cao tốc độ chạy tàu

- Cải tạo lớn các “nút cổ chai”: Cải tạo khu gian Hòa Duyệt - Thanh Luyên, xây dựng hầm Khe Nét, hầm Hải Vân, di dời ga Đà Nẵng ra khỏi thành phố; thay đổi cơ bản bình diện, trắc dọc một số đoạn tuyến hạn chế tốc độ.

- Cải tạo cục bộ bình diện có bán kính cong (R) nhỏ (đường cong có $R < 600$ m hoặc $R < 250$ m trong điều kiện địa hình khó khăn) ảnh hưởng đến dải tốc độ trên các khu gian có điều kiện nâng cao vận tốc.

- Nâng cấp đường cũ, giữ nguyên bình diện: Cải tạo nền đường theo tiêu chuẩn kỹ thuật cấp đường và thay kiến trúc tầng trên (ray, ghi, tà vẹt, bổ sung đá balat).

- Nâng cấp, cải tạo cầu yếu nhằm tiến tới thống nhất tải trọng. Gia cố các hầm yếu đảm bảo an toàn chạy tàu.

- Xây dựng hệ thống hàng rào đường gom, xóa bỏ đường ngang dân sinh, xây dựng cầu vượt, hầm chui và nâng cấp các đường ngang đảm bảo an toàn.

- Ứng phó với biến đổi khí hậu, tránh ngập lụt, sạt lở và giải pháp giảm thiểu giảm thiểu tác động xấu đến môi trường từ quy hoạch: Xây cầu cạn, nâng cao trắc dọc, gia cố mái dốc, gia cố nền đường các đoạn thường xuyên bị ngập lụt trong mùa lũ.

- Hiện đại hóa hệ thống thông tin, tín hiệu trên toàn tuyến.

- Tiếp tục thực hiện các dự án còn lại phù hợp với Quy hoạch địa phương để nâng cao tốc độ chạy tàu như: Cải tuyến đường cong ở đầu phía Bắc ga Thanh Hóa, cải tuyến đường sắt qua khu kinh tế Nghi Sơn Thanh Hóa, mở mới ga khách chính Hà Tĩnh, cải tạo đường sắt khu vực ga Nha Trang để bỏ đường vòng; Hàn ray những đoạn có tốc độ lớn nhất $V_{\max} \geq 100$ km/h cho các đoạn còn lại; Xây dựng cầu vượt giao cắt lập thể còn lại tại những điểm giao cắt giữa đường sắt với quốc lộ, các đường nội thị có mật độ giao thông lớn.

3.2. Nâng cao năng lực thông qua và năng lực vận tải

- Kéo dài đường 18 ga đảm bảo chiều dài sử dụng của ga $L \geq 400$ m.

- Đặt thêm đường số 3 đối với các ga hiện tại chỉ có 2 đường tại 07 ga.

- Mở 8 ga mới tại các khu gian hạn chế năng lực thông qua.

- Nâng cấp, cải tạo ga khách, ga hàng hóa, bãi hàng, kết nối cảng biển phù hợp nhu cầu thực tế hiện nay.

3.3. Nâng cấp đầu tư phương tiện đầu máy - toa xe và cơ sở chính bị đầu máy - toa xe (nghiên cứu xã hội hóa đầu tư)

- Cải tạo nâng cấp, đầu tư mua sắm, đóng mới phương tiện đầu máy - toa xe.

- Cải tạo nâng cấp cơ sở chính bị đầu máy - toa xe.

- Tiếp tục đầu tư mua sắm 14 đầu máy kéo tàu khách, 24 đầu máy kéo tàu hàng, 156 toa xe khách và 532 toa xe hàng đảm bảo chạy 2 đôi tàu khách theo tốc độ $V_{\max} = 120$ km/h và 2 đôi tàu hàng theo tốc độ $V_{\max} = 100$ km/h.

3.4. Nâng cao năng lực quản lý, tổ chức khai thác (nghiên cứu xã hội hóa đầu tư)

- Hiện đại hóa trung tâm điều hành vận tải đường sắt và hệ thống thông tin

vô tuyến đoàn tàu mặt đất công nghệ số.

- Xây dựng hệ thống bán vé điện tử.

- Đầu tư thiết bị cơ giới hóa và tự động hóa cho việc thi công, xây dựng cầu, đường, thông tin tín hiệu, xếp dỡ hàng hóa, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt.

3.5. Đầu tư các tuyến kết nối nhằm nâng cao thị phần vận tải

Để nâng cao thị phần vận tải, kết nối với các phương thức vận tải khác, cần nghiên cứu, đầu tư xây dựng các tuyến kết nối với cảng biển, khu công nghiệp, khu du lịch theo quy hoạch và khả năng cân đối vốn như: tuyến đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ; Xây dựng ga hàng hoá Phú Bài; đường sắt kết nối với cảng Chân Mây tỉnh Thừa Thiên Huế; đường sắt kết nối với khu kinh tế mở Chu Lai tỉnh Quảng Nam; Tuyến đường sắt Diêu Trì - Nhơn Bình - Cảng Nhơn Hội tỉnh Bình Định; Đường sắt kết nối cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong; Tuyến đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu; tuyến đường sắt Sài Gòn - Lộc Ninh...

4. Danh mục dự án đầu tư thực hiện quy hoạch theo thứ tự ưu tiên

a) Tập trung đầu tư hoàn thành các dự án đang triển khai (đã có vốn cam kết): Ưu tiên 1.

b) Thực hiện các dự án cải tạo “nút cổ chai” để đảm bảo an toàn chạy tàu như: Cải tạo khu gian Hòa Duyệt - Thanh Luyện, xây dựng hầm Khe Nét, hầm Hải Vân và các dự án cho 2 khu đoạn có khối lượng vận tải lớn Hà Nội - Vinh và Nha Trang - Sài Gòn: Ưu tiên 2.

c) Thực hiện đồng bộ các dự án thuộc các khu đoạn còn lại từ Vinh đến Nha Trang: Ưu tiên 3.

d) Tiếp tục đầu tư các dự án để nâng cao tốc độ chạy tàu: Ưu tiên 4.

(Chi tiết được thể hiện tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này).

5. Quỹ đất dành cho quy hoạch

Phạm vi chiếm dụng đất của đường sắt bổ sung theo quy hoạch: 321,56 ha.

(Chi tiết được thể hiện tại Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này)

6. Giải pháp huy động vốn:

6.1. Phương thức huy động vốn

a) Đối với các nguồn vốn nhà nước

- Chủ động huy động vốn từ ngân sách Nhà nước cho nhóm các dự án đảm bảo hành lang an toàn giao thông, đối ứng cho các dự án vay ưu đãi ODA, các dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở chính bị đầu máy-toa xe, đầu tư thiết bị duy tu bảo dưỡng hạ tầng... Vốn từ phát hành trái phiếu Chính phủ cho nhóm các dự án nâng cấp, cải tạo đường, cầu nhỏ, cải tạo ga, xây dựng cầu vượt đường sắt... Vốn từ các địa phương để hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho các dự án, đặc biệt tại các dự án lớn như di dời ga Đà Nẵng, ga Nha Trang...

- Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm, trung hạn và dài hạn, trong đó, ưu tiên những công trình trọng điểm. Phát hành công trái, trái phiếu công trình để đầu tư xây dựng một số công trình cấp bách.

b) Đối với vốn doanh nghiệp, các thành phần kinh tế (xã hội hóa)

- Thu hút mạnh các thành phần kinh tế, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, bảo đảm lợi ích thỏa đáng của nhà đầu tư. Sửa đổi, bổ sung các quy định về chính sách hỗ trợ tài chính, thuế, giá, phí, lệ phí, nhượng quyền... để tăng tính thương mại của dự án và sự đóng góp của người sử dụng. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư theo các hình thức PPP, BT, BOT...; khuyết khích, vinh danh các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

- Xây dựng chính sách cụ thể để huy động mạnh nguồn lực đất đai, đặc biệt quỹ đất tại các khu vực ga trung tâm (thông qua khai thác giá chênh lệch từ xây dựng công trình đem lại) để tạo vốn hỗ trợ cho xây dựng kết cấu hạ tầng. Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án kinh doanh.

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định của pháp luật về thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng, phục vụ xây dựng kết cấu hạ tầng. Có kế hoạch tái định cư, bảo đảm quyền lợi của người bị thu hồi đất, đồng thời vận động sự tự nguyện chấp hành và tham gia đóng góp tích cực của người dân. Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi cố tình không chấp hành quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng.

- Kêu gọi xã hội hóa từ các thành phần kinh tế, các tổ chức doanh nghiệp tư nhân cho các dự án đóng mới phương tiện đầu máy toa xe...

- Cho thuê hoặc nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (tuyến, đoạn tuyến đường sắt, nhà ga, bãi hàng...) theo hướng cho phép các thành phần kinh tế được thuê lại quyền khai thác kết cấu hạ tầng để tạo nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, cụ thể: Nhà nước cho thuê quyền khai thác kết cấu hạ tầng trong một thời hạn nhất định cho tổ chức, đơn vị, cá nhân. Tổ chức, đơn vị, cá nhân được thuê có quyền khai thác, đồng thời thực hiện bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông theo hợp đồng đã ký kết.

c) Đối với các nguồn vốn nước ngoài

- Thu hút mạnh và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA. Đẩy mạnh vận động các đối tác, các nhà tài trợ tiếp tục cung cấp ODA để phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình lớn. Ưu tiên bố trí vốn đối ứng và tháo gỡ khó khăn để đẩy nhanh tiến độ giải ngân hoàn thành các dự án.

- Tiếp tục tranh thủ các nguồn vốn vay ưu đãi của nước ngoài (vốn ODA): cho nhóm các dự án cải tạo các nút cổ chai, dự án thay thế cầu lớn, gia cố hầm yếu...

- Thu hút các nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài thông qua các hình thức đầu tư PPP.

6.2. Các chính sách tạo vốn đầu tư xây dựng

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tham gia xây dựng công trình thông qua việc áp dụng linh hoạt các chính sách như đổi đất lấy hạ tầng theo hình thức BT; huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp xây dựng chuyển giao khai thác thu phí.

- Có chính sách giải phóng mặt bằng phù hợp để giảm chi phí đầu tư.

- Thực hiện đầu tư xây dựng các công trình của quy hoạch theo một lộ trình nhất định tránh đầu tư dàn trải, kém hiệu quả.

- Tranh thủ các nguồn vốn từ các dự án của trung ương cũng như của địa phương liên quan đến các công trình giao cắt giữa đường bộ và đường sắt.

6.3. Chính sách quản lý và sử dụng các nguồn vốn

Để sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho xây dựng có được hiệu quả, cần thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện đầu tư các dự án theo thứ tự ưu tiên phù hợp với quy hoạch.

- Có sự quản lý tập trung về quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Cục Đường sắt Việt Nam: Chủ trì phối hợp với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các địa phương có liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch đã được phê duyệt; nghiên cứu cụ thể hóa các mục tiêu và triển khai thực hiện bằng các chương trình, các dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp phù hợp với quy hoạch. Trong quá trình thực hiện quy hoạch phải thường xuyên cập nhật tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu vận tải bằng đường sắt để có những đề nghị điều chỉnh kịp thời khi cần thiết.

2. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam: Tăng cường vai trò quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, trong đó có tuyến đường sắt Bắc - Nam. Chủ động đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn giao thông đường sắt; đổi mới, nâng cao chất lượng phục vụ và khả năng kết nối với các phương thức vận tải khác nhằm từng bước nâng cao năng lực và thị phần của vận tải đường sắt.

3. Vụ Kế hoạch - Đầu tư: Căn cứ vào danh mục các dự án, chủ trì triển khai kế hoạch đầu tư (trừ dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư) theo quy định hiện hành.

4. Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư: Chủ trì nghiên cứu, đề xuất các dự án theo hình thức xã hội hóa, trong đó tập trung đầu tư vào các ga trung tâm có lợi thế thương mại; đầu tư nâng cấp phương tiện đầu máy-toa xe, cơ sở chính bị đầu máy-toa xe, nâng cao năng lực quản lý, tổ chức khai thác...

5. Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông: Tăng cường công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt; quản lý hành lang an toàn đường sắt.

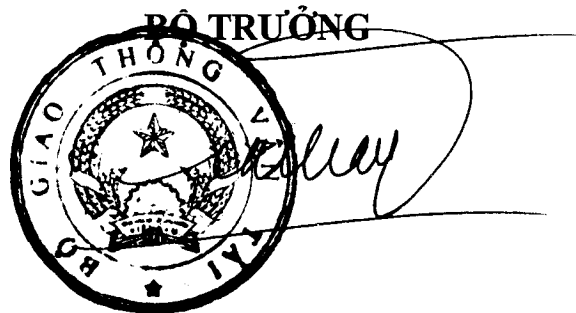
6. Các cơ quan, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ được giao chủ động nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cấp, hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông vận tải: Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Vụ Tài chính, Vụ Khoa học - Công nghệ, Vụ Môi trường, Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông, Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư, Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông, Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Ban Quản lý dự án đường sắt và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, Xây dựng, Quốc phòng;
- UBND các Tỉnh, Thành phố có đường sắt theo quy hoạch đi qua (đề p/h);
- TTr. Nguyễn Ngọc Đông;
- Các Vụ: KCHT, KHCN, MT, TC, ATGT;
- Ban PPP;
- Cục ĐSVN (đề t/h);
- Tổng công ty ĐSVN (đề t/h);
- Ban QLDAĐS;
- Lưu: VT, KHĐT(5).

BỘ TRƯỞNG



Đinh La Thăng



Phụ lục 1
Danh mục các dự án triển khai thực hiện quy hoạch
(Kèm theo Quyết định số: 2477 /QĐ-BGTVT ngày 09/7/2015 của Bộ GTVT)

TT	TÊN DỰ ÁN / HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
I	ƯU TIÊN 1: Tập trung hoàn thành các dự án đang thực hiện đầu tư (đã có vốn cam kết)
1	Dự án thay tà vẹt bê tông K1, K2, tà vẹt sắt bằng tà vẹt vê tông dự ứng lực kéo dài đường ga, đặt thêm đường số 3 đối với các ga chỉ có 2 đường đoạn Vinh - Nha Trang tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh (giai đoạn 1).
2	Dự án nâng cao an toàn cầu đường sắt trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh (44 cầu)
3	Dự án cải tạo, nâng cấp các cầu yếu trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh (132 cầu)
4	Dự án lập lại trật tự hành lang an toàn trên các tuyến đường sắt theo Quyết định số 1856, giai đoạn 2 theo lệnh khẩn cấp của Thủ tướng Chính phủ
5	Dự án hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt đoạn Hà Nội - Vinh, giai đoạn II
6	Dự án hiện đại hóa thông tin tín hiệu đoạn Vinh - Sài Gòn, giai đoạn I
7	Dự án hiện đại hóa trung tâm điều hành vận tải
II	ƯU TIÊN 2
2.1	Giải pháp để nâng cao tốc độ chạy tàu
2.1.1	Nhóm giải pháp 1-Cải tạo lớn các “nút cổ chai”
-	Cải tạo đường sắt khu vực đèo Khe Nét
-	Cải tạo tuyến đường sắt khu vực đèo Hải Vân
-	Nâng cấp đoạn Hòa Duyệt - Thanh Luyên
2.1.2	Nhóm giải pháp 2-Cải tạo cục bộ bình diện có bán kính (R) nhỏ ảnh hưởng đến dải tốc độ thuộc phạm vi 2 khu đoạn: Hà Nội - Vinh và Nha Trang - Sài Gòn
2.1.3	Nhóm giải pháp 3- Nâng cấp đường cũ, giữ nguyên bình diện đoạn: Hà Nội - Vinh và Nha Trang - Sài Gòn
2.1.4	Nhóm giải pháp 4- Nâng cấp, cải tạo cầu, hầm thuộc phạm vi 2 khu đoạn: Hà Nội - Vinh và Nha Trang - Sài Gòn
-	Xây dựng cầu Bình Lợi (thuộc khu đoạn Nha Trang - Sài Gòn)
-	Cải tạo, nâng cấp, nâng cao an toàn các cầu yếu thuộc 2 khu đoạn: Hà Nội - Vinh và Nha Trang - Sài Gòn

2.1.5	<i>Nhóm giải pháp 5-Các điểm giao cắt và hành lang an toàn giao thông thuộc phạm vi 2 khu đoạn: Hà Nội - Vinh và Nha Trang - Sài Gòn</i>
-	Cài tạo nâng cấp các đường ngang trên tuyến
-	Mở mới đường ngang trên tuyến
-	Xây dựng đường gom, hàng rào
-	Xây dựng hầm chui dân sinh
-	Xây dựng cầu đường bộ vượt đường sắt
2.1.6	<i>Nhóm giải pháp 6-Ứng phó biến đổi khí hậu thuộc phạm vi 2 khu đoạn: Hà Nội - Vinh và Nha Trang - Sài Gòn</i>
-	Xây cầu cạn, nâng cao trắc dọc, gia cố nền đường các đoạn thường xuyên ngập nước trong mùa mưa lũ
-	Gia cố mái dốc cho các đoạn ta luy nền đường mất ổn định
-	Gia nền đường yếu cho các đoạn nền đường mất ổn định, phụt bùn túi đá
2.1.7	<i>Nhóm giải pháp 7-Hệ thống thông tin tín hiệu thuộc phạm vi 2 khu đoạn: Hà Nội - Vinh và Nha Trang - Sài Gòn</i>
-	Điều chỉnh giai đoạn 2 dự án hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt đoạn Hà Nội - Vinh
-	Hiện đại hóa thông tin tín hiệu đoạn Vinh-Sài Gòn, giai đoạn 2
2.2	<i>Giải pháp về nâng cao năng lực thông qua và năng lực vận tải</i>
-	Thay tà vẹt bê tông K1, K2, tà vẹt sắt bằng tà vẹt bê tông dự ứng lực kéo dài đường ga, đặt thêm đường số 3 đối với các ga, chỉ có 2 đường, đoạn Vinh - Nha trang tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh (giai đoạn 2)
-	Kéo dài đường ga, mở thêm đường số 3, mở ga mới khu đoạn Hà Nội -Vinh, Nha Trang - Sài Gòn
-	Cài tạo mặt bằng đường ga, bãi hàng, đường xếp dỡ các ga hàng hóa khu đoạn Hà Nội - Vinh, Nha Trang - Sài Gòn
-	Xây dựng cài tạo ke ga, mái che ke, cầu vượt bộ hành các ga có tác nghiệp hành khách khu đoạn Hà Nội - Vinh, Nha Trang - Sài Gòn.
III	<i>ƯU TIÊN 3</i>
3.1	<i>Giải pháp để nâng cao tốc độ chạy tàu</i>
3.1.1	<i>Nhóm giải pháp 1-Cài tạo lớn các “nút cổ chai”:</i> <i>Cài tạo nút cổ chai còn lại</i>
-	Di dời đường sắt khu vực ga Đà Nẵng
3.1.2	<i>Nhóm giải pháp 2-Cài tạo cục bộ bình diện có bán kính (R) nhỏ ảnh hưởng đến dải tốc độ thuộc phạm vi 4 khu đoạn còn lại từ Vinh đến Nha Trang</i>
3.1.3	<i>Nhóm giải pháp 3- Nâng cấp đường cũ, giữ nguyên bình diện</i>

-	Đại tu thay thế kiến trúc tầng trên hiện tại cho các đoạn và ga còn lại (trừ các đoạn cải tuyến, ga mở mới ga đặt thêm đường và ga kéo dài) thuộc phạm vi 2 khu đoạn Hà Nội - Vinh và Nha Trang - Sài Gòn
3.1.4	Nhóm giải pháp 4- Nâng cấp, cải tạo cầu, hầm phạm vi thuộc 4 khu đoạn còn lại từ Vinh đến Nha Trang:
-	Cải tạo, nâng cấp, nâng cao an toàn các cầu yếu còn lại thuộc 4 khu đoạn còn lại từ Vinh đến Nha Trang
-	Gia cố các hầm yếu thuộc 4 khu đoạn còn lại từ Vinh đến Nha Trang
3.1.5	Nhóm giải pháp 5- Các điểm giao cắt và hành lang an toàn giao thông thuộc phạm vi 4 khu đoạn còn lại từ Vinh đến Nha Trang:
-	Cải tạo nâng cấp các đường ngang trên tuyến
-	Mở mới đường ngang trên tuyến
-	Xây dựng đường gom, hàng rào
-	Xây dựng hầm chui dân sinh
-	Xây dựng cầu đường bộ vượt đường sắt
3.1.6	Nhóm giải pháp 6- ứng phó biến đổi khí hậu thuộc phạm vi 4 khu đoạn còn lại từ Vinh đến Nha Trang:
-	Xây cầu cạn, nâng cao trắc dọc, gia cố nền đường các đoạn thường xuyên ngập nước trong mùa mưa lũ
-	Gia cố mái dốc cho các đoạn ta luy nền đường mất ổn định
-	Gia nền đường yếu cho các đoạn nền đường mất ổn định, phụt bùn túi đá
3.2	Giải pháp về nâng cao năng lực thông qua và năng lực vận tải
-	Xây dựng cải tạo ke ga, mái che ke, cầu vượt bộ hành các ga có tác nghiệp hành khách
-	Đầu tư xây dựng đường sắt đô thị Hà Nội (tuyến 1) đoạn Ngọc Hồi - Ga Hà Nội
-	Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Trảng Bom - Hòa Hưng
-	Kéo dài đường ga, mở thêm đường số 3, mở ga mới trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh (đối với các ga còn lại)
-	Cải tạo mặt bằng đường ga, bãi hàng, đường xếp dỡ các ga hàng hóa dọc tuyến
3.3	Phương tiện đầu máy - toa xe và cơ sở chính bị đầu máy - toa xe
-	Đóng mới toa xe khách và hàng
-	Lắp đặt thiết bị xử lý chất thải sinh hoạt trên các toa xe khách
-	Đầu tư trang thiết bị, nâng cấp mở rộng cơ sở chính bị đầu máy toa xe trên tuyến
3.4	Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực quản lý, tổ chức khai thác

-	Xây dựng hệ thống bán vé điện tử
-	Xây dựng, lắp đặt hệ thống thông tin vô tuyến đoàn tàu mặt đất công nghệ số
-	Đầu tư trang thiết bị duy tu bảo dưỡng, thiết bị bốc xếp dỡ
IV	ƯU TIÊN 4: TIẾP TỤC ĐẦU TƯ ĐỂ NÂNG CAO TỐC ĐỘ CHẠY TÀU
-	<i>Cải tuyến đường sắt đầu ga Thanh Hóa</i>
-	<i>Cải tuyến đường sắt qua khu kinh tế Nghi Sơn Thanh Hóa</i>
-	<i>Xây dựng đường sắt nhánh kết nối với cảng Nghi Sơn Thanh Hóa</i>
-	<i>Xây dựng mới ga khách chính Hà Tĩnh</i>
-	<i>Cải tạo đường sắt khu vực Nha Trang, bỏ đường vòng</i>
-	<i>Hàn ray phạm vi còn lại</i>
-	<i>Xây dựng các cầu vượt quốc lộ, các cầu vượt trong đô thị còn lại</i>
-	<i>Đầu tư phương tiện đầu máy toa xe đảm bảo khai thác đoàn tàu theo tốc độ tối đa $V_{max}=120\text{Km/h}$</i>
-	<i>Để đồng bộ kết nối hệ thống đường sắt với cảng biển, khu công nghiệp cần đầu tư xây dựng các dự án phù hợp với quy hoạch một số tuyến đường sắt:</i>
	+ Đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ
	+ Kết nối đường sắt quốc gia với cảng Chân Mây - tỉnh Thừa Thiên Huế
	+ Kết nối đường sắt quốc gia với khu kinh tế mở Chu Lai - tỉnh Quảng Nam
	+ Tuyến đường sắt Diêu Trì - Nhơn Bình - Cảng Nhơn Hội
	+ Tuyến đường sắt vào cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong
	+ Tuyến đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu
	+ Tuyến đường sắt Sài Gòn - Lộc Ninh
	+ Xây dựng ga hàng hoá Phú Bài - tỉnh Thừa Thiên Huế

Ghi chú: Chi tiết các giải pháp xem tại các Phụ lục 3 đến Phụ lục 14

Phụ lục 2
Quỹ đất dành cho quy hoạch
(Kèm theo Quyết định số: 2477/QĐ-BGTVT ngày 09/7/2015 của Bộ GTVT)

TT	Tỉnh, thành phố	Khối lượng (ha)
1	Hà Nội	1,91
2	Hà Nam	0,09
3	Nam Định	0,45
4	Ninh Bình	0,57
5	Thanh Hóa	43,26
6	Nghệ An	2,38
7	Hà Tĩnh	29,70
8	Quảng Bình	16,31
9	Quảng Trị	0
10	Thừa Thiên Huế	20,32
11	Thành phố Đà Nẵng	107,37
12	Quảng Nam	0
13	Quảng Ngãi	1,63
14	Bình Định	0,98
15	Phú Yên	1,45
16	Khánh Hòa	53,52
17	Ninh Thuận	0,24
18	Bình Thuận	21,28
19	Đồng Nai	20,1
20	Bình Dương	0
21	Thành phố Hồ Chí Minh	0
Tổng		321,56

Phụ lục 3

Cải tạo lớn các “nút cổ chai”: Trước mắt ưu tiên thay đổi bình diện, trắc dọc 1 số đoạn tuyến hạn chế tốc độ

(Kèm theo Quyết định số: 2477/QĐ-BGTVT ngày 09/7/2015 của Bộ GTVT)

STT	Tên dự án	Khối lượng	Ghi chú
1	Cải tuyến khu gian Hòa Duyệt - Thanh Luyên để xóa bỏ các đường cong có bán kính nhỏ $R_{\min}=150$	<ul style="list-style-type: none">- Nâng cấp cải tạo 4.719 km đường.- Tuyến mới 4.790 km đường- Cải tạo 2 ga- Cải tạo, xây dựng 3 cầu/326 m- Xây dựng mới 2 hầm/ 1,07 km.- Xây dựng mới và nối 29 cống- Xây dựng hệ thống thông tin tín hiệu- Kiến trúc điện nước 2 ga đồng bộ.	Từ Km 357- Km370
2	Cải tuyến, làm hầm mới khu vực đèo Khe Nét khu gian Tân Ấp - Kim Lũ	<ul style="list-style-type: none">- Cải tạo nâng cấp 5,28 km.- Cải tạo 25 đường cong .- Cải tạo ga Đòng Chuối- Xây dựng mới 03 cầu dẫn.- Xây dựng 2 hầm L=1,51 km.- Xây dựng hệ thống thông tin tín hiệu	Từ Km431- Km420
3	Cải tuyến xây dựng hầm mới khu vực đèo Hải Vân khu gian Lăng Cô - Kim Liên	<ul style="list-style-type: none">- Cải tạo toàn bộ khu vực đèo Hải Vân tổng chiều dài tuyến 27,4 km- Xây dựng hầm dài 10,8 km.- Cầu: Xây dựng 11,8 km- Ga: Xây mới 1 ga, cải tạo 1 ga- Xây dựng hệ thống thông tin tín hiệu	Từ Km750- Km776
4	Di dời đường sắt khu vực Đà Nẵng	<ul style="list-style-type: none">- Xây dựng đường mới: 22.79 km- Cải tạo 1 ga, xây mới 2 ga- Xây dựng 6 cầu/760 m- Cải tạo, xây dựng mới hệ thống thông tin tín hiệu- Kiến trúc điện nước 3 ga đồng bộ.	Từ Km776- Km802

Phụ lục 4

Cải tạo lớn các “nút cổ chai”: Tiếp tục thực hiện thay đổi bình diện, trắc dọc 1 số đoạn tuyến hạn chế tốc độ

(Kèm theo Quyết định số: 2477/QĐ-BGTVT ngày 09/7/2015 của Bộ GTVT)

STT	Tên dự án	Khối lượng	Ghi chú
1	Cải tuyến đầu ga Thanh Hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Cải dịch tuyến mới 1.47 km đường - Xây dựng mới 01 cầu với tổng chiều dài 37 m - Xây dựng mới 2 đường ngang, 01 cầu đường bộ vượt đường sắt - Cải tạo và xây dựng mới hệ thống thông tin, tín hiệu đồng bộ. 	Từ Km172-Km174
2	Cải tuyến qua khu kinh tế Nghi Sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mới 8,8 km đường sắt - Xây dựng mới 01 ga với quy mô 4 đường và 02 đường cụt - Xây dựng mới 10 cầu với tổng chiều dài 177 m - Xây dựng mới 6 công các loại - Xây dựng mới 2 đường ngang, 02 cầu đường bộ vượt đường sắt - Cải tạo và xây dựng mới hệ thống thông tin, tín hiệu đồng bộ. 	Từ Km230-Km239
3	Xây dựng đường sắt nhánh kết nối với cảng Nghi Sơn	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mới 11,7 km đường sắt - Xây dựng mới 02 ga - Xây dựng mới cầu cống đường ngang dọc tuyến - Xây dựng mới hệ thống thông tin, tín hiệu đồng bộ. 	Đầu nối với đường sắt quốc gia tại ga Khoa Trường
4	Mở mới ga khách chính Hà Tĩnh (Di dời ga Chu Lễ)	<ul style="list-style-type: none"> - Dỡ bỏ ga Chu Lễ (3 đường) - Mở mới ga Hà Tĩnh (4 đường) - Xây dựng 550 m đường bộ vào ga - Xây dựng 1 cầu đường bộ vào ga - Xây dựng mới hệ thống thông tin tín hiệu - Xây dựng nhà ga + quảng trường ga. - Xây dựng nhà lưu trú, cung cầu, cung đường, thông tin tín hiệu đồng bộ 	Tại Km378
5	Cải tạo đường sắt khu vực ga Nha Trang để bỏ đường vòng	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo xây dựng lại ga Nha Trang thành ga khách. - Xây dựng mới cầu quay đầu máy để bỏ đường vòng (ga Nha Trang trở thành ga cụt). - Xây dựng các cơ sở phục vụ chạy tàu tại ga khách Nha Trang: Trạm chính bị đầu máy - toa xe, Thông tin tín hiệu, khu cung đường, khu nhà ở của công nhân viên đường sắt,... - Xây dựng ga hàng hóa Vĩnh Trung tại Km1322 để thay thế cho ga hàng hóa Nha Trang. 	

TT	Điểm đầu		Điểm cuối		Hiện tại		Thiết kế		Cải tạo		Rút ngắn
	Lý trình cải tạo						Đường cong		Chiều dài		
1	Km21+257,49	Km21+430,80	D27	D27			D27	D27	173,31		-9,66
2	Km28+461,94	Km28+745,55	D37	D37			D37	D37	283,61		-1,2
3	Km28+788,31	Km28+947,08	D38	D38			D38	D38	158,77		-3,31
4	Km30+828,49	Km31+470,83	D42	D42			D42	D42	642,34		-15,02
5	Km32+964,54	Km33+338,21	D46	D46			D46	D46	373,67		-13,69
6	Km35+554,22	Km35+769,57	D49	D49			D49	D49	215,35		-0,9
7	Km75+914,76	Km76+055,80	D115	D115			D115	D115	136,24		-0,12
8	Km100+129,00	Km100+398,22	D161	D161			D161	D161	269,22		-1,12
9	Km100+490,28	Km100+633,91	D162	D162			D162	D162	143,63		-0,14
10	Km119+257,50	Km119+479,00	D193	D193			D193	D193	220,86		-0,60
11	Km121+271,66	Km121+653,50	D196, D197	D196, D197			D196	D196	380,94		-0,9
12	Km125+597,00	Km125+760,91	D205	D205			D205	D205	222,89		-2,82
13	Km127+792,00	Km128+040,29	D209	D209			D209	D209	370,99		-30,13
14	Km128+878,00	Km129+239,32	D212	D212			D212	D212	499		-32,67
15	Km129+940,00	Km130+174,85	D214	D214			D214	D214	250,16		-3,00
16	Km138+101,00	Km138+295,10	D228	D228			D228	D228	450,93		-4,23
17	Km140+375,00	Km140+567,85	D230	D230			D230	D230	585,90		-4,81
18	Km149+322,93	Km149+768,01	D247, D248	D247, D248			D247	D247	638,18		-6,30
19	Km156+540,00	Km156+741,24	D263, D264	D263, D264			D263	D263	447,81		-2,68
20	Km157+368,84	Km157+973,00	D266, D267	D266, D267			D266, D267	D266, D267	667,07		-10,50
21	Km159+750,00	Km160+103,70	D270	D270			D270	D270	714,56		-20,78
22	Km185+663,30	Km186+139,39	D291, D292	D291, D292			D291	D291	670,80		-27,44
23	Km207+893,22	Km208+194,22	D299	D299			D299	D299	768,02		-28,98
24	Km227+739,55	Km228+256,35	D308, D309	D308, D309			D308	D308	802,81		-18,76
25	Km230+713,06	Km230+997,15	D313	D313			D313	D313	686,61		-27,44
26	Km233+665,30	Km234+077,40	D314	D314			D314	D314	870,25		-41,87
27	Km242+881,79	Km243+270,49	D323	D323			D323	D323	1.024,87		-51,68

Lý trình chi tiết các điểm cải tạo

STT	Khu đoàn	Số điểm/(đường cong)	Nội dung	
			Chiều dài (m)	
1	Hà Nội - Vinh	33/40		14.592,34
2	Vinh - Đông Hới	25/41		11.297,22
3	Đông Hới - Đà Nẵng	12/17		3.864,52
4	Đà Nẵng - Diêu Trì	6/6		1.814,65
5	Diêu Trì-Nha Trang	4/4		2.311,4
6	Nha Trang - Sài Gòn	11/33		10.228,64
Tổng cộng:		91/141		44.108,77

Phụ lục 5
Cải tạo cục bộ bình diện có bán kính (R) nhỏ ảnh hưởng đến dài tốc độ trên
các khu gian có điều kiện nâng cao tốc độ
(Kèm theo Quyết định số: 2477/QĐ-BGTVT ngày 09/7/2015 của Bộ GTVT)

TT	Lý trình cải tuyến		Đường công		Chiều dài	
	Điểm đầu	Điểm cuối	Hiện tại	Thiết kế	Cải tuyến	Rút ngắn
28	Km282+817,88	Km282+982,35	D361	D361	192,63	28,16
29	Km292+880,09	Km293+421,32	D368, D369	D369	597,11	55,88
30	Km296+425,69	Km296+597,00	D377	D377	193,37	51,76
31	Km297+250,10	Km297+420,82	D380	D380	172,78	-1,32
32	Km300+997,00	Km301+566,60	D386	D386	459,23	10,45
33	Km301+836,20	Km302+106,87	D388	D388	308,43	6,84
Tổng số khu đoạn Hà Nội - Vinh						
					40 điểm cải	14.592,34
34	Km350+451,60	Km350+890,09	D419	D419	302,03	-5,44
35	Km354+581,08	Km355+357,04	D426 đến D431	D426 đến D431	765,40	-10,56
36	Km355+674,80	Km356+131,56	D432	D432	310,36	-3,96
37	Km372+582,98	Km372+928,88	D461	D461	245,84	2,86
38	Km374+287,31	Km375+073,00	D463, D464	D463, D464	771,39	24,31
39	Km381+006,84	Km381+827,10	D469 đến D471	D469 đến D471	579,87	25,12
40	Km384+583,73	Km385+189,86	D473, D474	D473, D474	597,92	-8,22
41	Km386+053,16	Km386+467,69	D476	D476	417,34	2,81
42	Km412+487,89	Km413+690,51	D494 đến D498	D494 đến D498	1.218,68	16,06
43	Km427+115,13	Km427+444,10	D537	D537	325,75	-3,22
44	Km427+589,48	Km427+856,49	D538	D538	267,01	-0,38
45	Km428+136,46	Km428+595,72	D539	D539	449,98	-9,28
46	Km429+936,41	Km430+410,63	D543	D543	467,57	-6,65
47	Km430+735,55	Km431+200,92	D545	D545	458,84	-6,53
48	Km444+836,64	Km445+049,25	D566	D566	212,07	-0,54
49	Km445+068,32	Km445+230,55	D567	D567	162,02	-0,21
50	Km445+311,55	Km445+553,95	D568	D568	241,64	-0,76
51	Km448+229,23	Km448+554,52	D574	D574	318,45	-6,84
52	Km456+647,46	Km456+779,15	D593	D593	131,48	-0,19
53	Km460+141,57	Km460+345,59	D595	D595	203,63	-0,39
54	Km465+539,96	Km465+672,98	D602	D602	131,20	-0,76
55	Km483+226,81	Km484+257,84	D626, D627	D626, D627	912,4	-118,64
56	Km485+652,54	Km486+253,54	D629	D629	590,96	-15,42
57	Km489+793,00	Km490+305,70	D634 đến D637	D634 đến D637	486,43	-5,5
Tổng số khu đoạn Vinh - Đồng Hới						
					41 điểm cải	10.568,26
58	Km534+857,06	Km535+404,99	D658, D659	D658, D659	728,96	16,36
59	Km671+673,04	Km671+983,65	D753	D753	309,93	-0,68
60	Km731-960,99	Km732+322,34	D796	D796	360,02	-1,32
61	Km733+710,12	Km734+334,97	D798, D799	D798, D799	614,2	-10,65
62	Km745+362,04	Km745+630,62	D806	D806	264,93	-3,65
63	Km746+148,11	Km747+006,72	D809 đến D811	D809 đến D811	817,67	-7,01
64	Km747+396,74	Km747+562,39	D813	D813	164,53	-1,12
65	Km747+607,56	Km748+009,99	D814	D814	400,9	-1,54
66	Km748+559,24	Km748+675,62	D815	D815	115,53	-0,86
67	Km748+678,62	Km748+942,60	D816	D816	262,77	-1,22
68	Km748+986,93	Km749+194,05	D817	D817	206,14	-0,98
69	Km749+575,77	Km749+771,17	D819	D819	194,47	-0,94

TT	Lý trình cải tuyến		Đường cong		Chiều dài	
	Điểm đầu	Điểm cuối	Hiện tại	Thiết kế	Cải tuyến	Rút ngắn
70	Km1749+924,29	Km1750+078,62	B820	B820	153,43	-0,9
Năng						
Tổng số khu đoạn Đông Hới - Đà						
17 điểm cải						
71	Km991+848,00	Km992+178,26	D1120	D1120	433,36	-7,45
72	Km995+466,72	Km995+590,43	D1125	D1125	174,95	-1,65
73	Km996+097,38	Km996+299,78	D1127	D1127	266,54	0,58
74	Km1003+640,20	Km1003+883,48	D1136	D1136	331,03	-2,82
75	Km1018+894,28	Km1019+119,72	D1146	D1146	282,78	-1,29
76	Km1024+300,23	Km1024+549,72	D1155	D1155	325,99	-2,58
Tri						
Tổng số khu đoạn Đà Nẵng - Diêu						
6 điểm cải						
77	Km1297+553,85	Km1297+928,28	D1413	D1413	492,57	-11,97
78	Km1300+213,78	Km1301+044,60	D141, D1419	D141, D1419	926,49	-19,78
79	Km1336+528,84	Km1336+868,46	D1480	D1480	347,13	-2,88
80	Km1037+025,73	Km1037+570,94	D1481 đến D1482	D1481 đến D1482	545,21	-27,78
Trang						
Tổng số khu đoạn Diêu Trì - Nha						
4 điểm cải						
81	Km1372+989,04	Km1373+372,04	D1486	D1486	378,27	-3,99
82	Km1377+064,37	Km1378+162,95	D1491 đến D1493	D1491 đến D1493	1098,58	-17,68
83	Km1437+575,9	Km1437+795,55	D1526	D1526	220,08	-4,58
84	Km1438+304,55	Km1438+862,47	D1528 đến D1529	D1528 đến D1529	557,92	7,56
85	Km1438+929,80	Km1439+217,09	D1530	D1530	286,78	-2,96
86	Km1439+467,23	Km1439+763,36	D1531	D1531	297,14	-3,15
87	Km1568+975,23	Km15670+235,9	D1612 đến D1615	D1612 đến D1615	1253,28	-16,28
88	Km1571+640,76	Km1577+003,50	D1616 đến D1630	D1616 đến D1630	5362,74	-68,45
89	Km1578+767,57	Km1578+967,30	D1634	D1634	235,34	-4,93
90	Km1603+457,90	Km1603+589,65	D1676	D1676	210,57	-0,18
91	Km1656+742,50	Km1657+047,95	D1714	D1714	327,94	-0,43
Gòn						
Tổng số khu đoạn Nha Trang - Sài						
33 điểm cải						
					10.228,64	

Ghi chú: D27, D37, D38... là thứ tự tên định các đường cong theo hồ sơ quản lý tính từ Hà Nội đến TP Hồ Chí Minh

Phụ lục 6

Khối lượng đại tu cải tạo, nâng cấp đường cũ giữ nguyên bình diện
(Kèm theo Quyết định số: 2477/QĐ-BGTVT ngày 09/7/2015 của Bộ GTVT)

6.1. Trước mắt

TT	Nội dung quy hoạch	Đơn vị	Hà Nội - Vinh	Vinh - Đồng Hới	Đồng Hới - Đà Nẵng	Đà Nẵng - Diêu Trì	Diêu Trì - Nha Trang	Nha Trang - Sài Gòn
1	Thay tà vẹt K1, K2 đoạn Vinh - Nha Trang (thực hiện tiếp giai đoạn 2)			Tiếp tục thực hiện theo dự án đã được phê duyệt				
2	Bổ sung dự án các đoạn còn lại	km	288,56	36,67	78,17	46,60	152,777	358,611
3	Hàn ray các đoạn $V \geq 100$ km/h	km	177,33	58,37	84,25	164,37	114,99	208,91

6.2. Lâu dài

STT	Khu đoạn	Khối lượng (km)	Ghi chú
1	Hà Nội - Vinh	47,12	Hàn ray cho các đoạn có T.độ $V_{max} \geq 100$ km/h (đã trừ các đoạn hàn ray trong phương án cơ sở)
2	Vinh - Đồng Hới	67,23	
3	Đồng Hới - Đà Nẵng	79,93	
4	Đà Nẵng - Diêu Trì	90,64	
5	Diêu Trì - Nha Trang	53,12	
6	Nha Trang - Sài Gòn	55,11	

Phụ lục 7
Nâng cấp, cải tạo cầu - hầm
(Kèm theo Quyết định số: 2477/QĐ-BGTVT ngày 09/7/2015 của Bộ GTVT)

7.1. Hạng mục cầu

TT	Khu đoạn	Nội dung	Khối lượng (cái/m)
1	Hà Nội - Vinh	Dự án 44 cầu Giai đoạn 2	1/36,3
		Cầu yếu còn lại	14/264,62
2	Vinh - Đồng Hới	Dự án 44 cầu Giai đoạn 2	4/116,68
		Cầu yếu còn lại	49/393,97
3	Đồng Hới - Đà Nẵng	Dự án 44 cầu Giai đoạn 2	3/177,13
		Cầu yếu còn lại	57/672,1
4	Đà Nẵng - Diêu Trì	Dự án 44 cầu Giai đoạn 2	26/1210,17
		Cầu yếu còn lại	104/1892
5	Diêu Trì - Nha Trang	Dự án 44 cầu Giai đoạn 2	10/643,11
		Cầu yếu còn lại	34/904
6	Nha Trang - Sài Gòn	Dự án 44 cầu Giai đoạn 2	8/626,87
		Cầu yếu còn lại	53/1425
	Tổng	Dự án 44 cầu Giai đoạn 2	56/2810,26
		Cầu yếu còn lại	311/5551,69
		Xây dựng cầu Bình lợi	1/479

7.2. Hạng mục hầm

TT	Khu đoạn	Khối lượng (cái/m)
1	Hà Nội - Vinh	0/0
2	Vinh - Đồng Hới	5/693
3	Đồng Hới - Đà Nẵng	4/1892,9
4	Đà Nẵng - Diêu Trì	2/440
5	Diêu Trì - Nha Trang	11/3955,15
6	Nha Trang - Sài Gòn	0/0
Tổng		22/6981,05

Phụ lục 8
Các điểm giao cắt và hành lang an toàn giao thông
(Kèm theo Quyết định số: 2477/QĐ-BGTVT ngày 09/7/2015 của Bộ GTVT)

8.1. Trước mắt

TT	Khu đoạn	Nội dung	Khối lượng (Vị trí/m)
1	Hà Nội - Vinh	Đường ngang nâng cấp	87
		Đường ngang mở mới	59
		Xây dựng đường gom	45/13.511,11
		Xây dựng hàng rào	112/73.605,11
		Xây dựng hầm chui	0
		Xây dựng cầu vượt	7
2	Vinh - Đồng Hới	Đường ngang nâng cấp	29
		Đường ngang mở mới	21
		Xây dựng đường gom	1/830
		Xây dựng hàng rào	3/2.060
		Xây dựng hầm chui	4
		Xây dựng cầu vượt	0
3	Đồng Hới - Đà Nẵng	Đường ngang nâng cấp	93
		Đường ngang mở mới	29
		Xây dựng đường gom	42/30.624,3
		Xây dựng hàng rào	52/116.874
		Xây dựng hầm chui	1
		Xây dựng cầu vượt	3
4	Đà Nẵng - Diêu Trì	Đường ngang nâng cấp	23
		Đường ngang mở mới	19
		Xây dựng đường gom	7/2.715
		Xây dựng hàng rào	30/61.620
		Xây dựng hầm chui	3
		Xây dựng cầu vượt	2
5	Diêu Trì - Nha Trang	Đường ngang nâng cấp	51
		Đường ngang mở mới	7
		Xây dựng đường gom	6/3.529
		Xây dựng hàng rào	24/15.235

TT	Khu đoạn	Nội dung	Khối lượng (Vị trí/m)
			Xây dựng hầm chui
		Xây dựng cầu vượt	3
6	Nha Trang - Sài Gòn	Đường ngang nâng cấp	112
		Đường ngang mở mới	21
		Xây dựng đường gom	1/300
		Xây dựng hàng rào	40/45.877
		Xây dựng hầm chui	1
		Xây dựng cầu vượt	2
Tổng		Đường ngang nâng cấp	395
		Đường ngang mở mới	156
		Xây dựng đường gom	102/51.509,41
		Xây dựng hàng rào	261/315.271,11
		Xây dựng hầm chui	11
		Xây dựng cầu vượt	17

8.2. Lâu dài

TT	Khu đoạn	Nội dung	Khối lượng (Vị trí/m)
1	Hà Nội - Vinh	Xây dựng cầu vượt	14
2	Vinh - Đồng Hới	Xây dựng cầu vượt	8
3	Đồng Hới - Đà Nẵng	Xây dựng cầu vượt	1
4	Đà Nẵng - Diêu Trì	Xây dựng cầu vượt	7
5	Diêu Trì - Nha Trang	Xây dựng cầu vượt	2
6	Nha Trang - Sài Gòn	Xây dựng cầu vượt	9
Tổng cộng			41

Phụ lục 9
Ứng phó với biến đổi khí hậu tránh ngập lụt, sạt lở và giải pháp giảm thiểu
giảm thiểu tác động xấu đến môi trường từ quy hoạch
(Kèm theo Quyết định số: 2477/QĐ-BGTVT ngày 09/7/2015 của Bộ GTVT)

STT	Khu đoạn	Số vị trí	Chiều dài (m)
1	Hà Nội - Vinh	8	4.640
2	Vinh - Đồng Hới	10	11.374
3	Đồng Hới - Đà Nẵng	26	46.204
4	Đà Nẵng - Diêu Trì	62	159.498
5	Diêu Trì - Nha Trang	95	66.827
6	Nha Trang - Sài Gòn	43	28.481
Tổng cộng		244	317.024

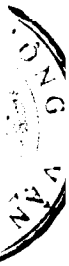
Phụ lục 10
Hiện đại hóa hệ thống thông tin tín hiệu
(Kèm theo Quyết định số: 2477/QĐ-BGTVT ngày 09/7/2015 của Bộ GTVT)

STT	Hạng mục và khối lượng
I	Điều chỉnh dự án Hiện đại hóa thông tin tín hiệu đoạn Hà Nội - Vinh (giai đoạn 2)
1	Bổ sung, điều chỉnh một số hạng mục thông tin, tín hiệu, nhà trạm, cung cấp điện, chỉnh tu đường sắt... để phù hợp với thực tế
2	Điều chỉnh, bổ sung chi phí do biến động của đơn giá nhân công, nguyên vật liệu sử dụng vốn đối ứng của dự án, chính sách thuế của Chính phủ, thay đổi tỷ giá ngoại tệ
3	Bổ sung chi phí tư vấn giám sát do thời gian thực hiện dự án kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu
II	Triển khai dự án hiện đại hóa thông tin tín hiệu đoạn Vinh-Sài Gòn (giai đoạn 2)
1	Lắp đặt hệ thống thiết bị tín hiệu điều khiển tập trung cho các ga đoạn Vinh - Nha Trang và 5 ga đoạn Nha Trang-Sài Gòn
2	Lắp đặt thiết bị tín hiệu đóng đường nửa tự động kết hợp đếm trục đoạn Vinh - Nha Trang
3	Thiết bị đóng đường khu gian trên cáp quang cho các ga đoạn Vinh - Sóng Thần
4	Lắp đặt hệ thống giám sát chạy tàu và đo kiểm vi tính đoạn Vinh - Sài Gòn
5	Trang bị thiết bị đo thử, kiểm tu tại trạm kiểm tu tín hiệu tại Vinh và Đà Nẵng.
6	Lắp đặt thiết bị tín hiệu khống chế ghi khu gian cho các bộ ghi khu gian đoạn Vinh - Sài Gòn
7	Trang bị bộ lưu điện UPS cho các ga sẽ đầu tư hệ thống tín hiệu đoạn Vinh - Nha Trang và 5 ga thuộc đoạn Nha Trang - Sài Gòn
8	Cải tạo hệ thống tín hiệu đường ngang phù hợp với quy định hiện hành

Phụ lục 11

Nâng cấp, cải tạo ga khách, ga hàng hóa, bãi hàng, kết nối cảng biển và các tuyến nhánh để tăng chất lượng phục vụ và thu hút hành khách, hàng hóa
(Kèm theo Quyết định số: 2477/QĐ-BGTVT ngày 09/7/2015 của Bộ GTVT)

STT	Hạng mục, quy mô	Khối lượng	Ghi chú
1	Cải tạo mặt bằng đường ga, bãi hàng, đường xếp dỡ các ga hàng hóa dọc tuyến	26 ga	Giáp Bát, Văn Điển, Thường Tín, Phú Lý, Vinh, Hương Phố, Sa Lung, Phò Trạch, Văn xá, Kim Liên, Đà Nẵng, Lệ Trạch, Nông Sơn, Phú Cang, Tam Kỳ, Diêm Phố, Núi Thành, Bình Sơn, Đức Phố, Diêu Trì, Tuy Hòa, Nha Trang, Tháp Chàm, Cà Ná, Hồ Nai, Sóng Thần.
-	Bãi hàng	172900 m ²	
-	Kho hàng	3220m ²	
-	Đường xếp dỡ	6900m ²	
-	Ghi	14 bộ	
-	Đường bộ vào ga	1000 m	
-	Tường rào	3900 m	
-	Hệ thống chiếu sáng	4 ga	
2	Xây dựng cải tạo ke ga, mái che ke, cầu vượt bộ hành các ga có tác nghiệp hành khách	22 ga	Hà Nội, Phú Lý, Nam Định, Ninh Bình, Bim Sơn, Thanh Hóa, Chợ Sĩ, Yên Trung, Hương Phố, Đồng Hới, Đông Hà, Huế, Đà Nẵng, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Diêu Trì, Tuy Hòa, Nha Trang, Tháp Chàm, Bình Thuận, Biên Hòa, Sài Gòn
-	Xây dựng ke ga	369682 m ²	
-	Xây dựng mái che	42708 m ²	
	Xây dựng cầu vượt bộ hành	29 cái	



Phụ lục 12

Nâng cấp đầu tư phương tiện đầu máy-toa xe (Dự kiến xã hội hóa đầu tư) (Kèm theo Quyết định số: 2477/QĐ-BGTVT ngày 09/7/2015 của Bộ GTVT)

12.1. Trước mắt

TT	Hạng mục	Khối lượng	Ghi chú
I	Đầu máy		- Tận dụng đầu máy hiện có, thay thế toa xe khách, toa xe hàng hết niên hạn sử dụng - Đầu tư lắp đặt thiết bị thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt cho toa xe khách hiện có
1	Đầu máy kéo tàu khách $V_{max} \geq 120$ km/h	0	
2	Đầu máy kéo tàu hàng nhanh	0	
II	Toa xe		
1	Bổ sung toa xe khách	233	
2	Bổ sung toa xe hàng	1166	
III	Lắp đặt thiết bị xử lý chất thải sinh hoạt trên các toa xe khách	823	

12.2. Lâu dài

TT	Hạng mục	Khối lượng	Ghi chú
I	Đầu máy		Đầu tư mua và đóng mới đầu máy - toa xe chạy 2 đôi tàu khách nhanh, 2 đôi tàu hàng nhanh
1	Đầu máy kéo toa khách $V_{max} \geq 120$ km/h	14	
2	Đầu máy kéo tàu hàng nhanh	24	
II	Toa xe		
1	Bổ sung toa xe khách	156	
2	Bổ sung toa xe hàng	532	

Phụ lục 13

Cải tạo nâng cấp cơ sở chính bị đầu máy toa xe (Dự kiến xã hội hóa đầu tư)
(Kèm theo Quyết định số: 2477/QĐ-BGTVT ngày 09/7/2015 của Bộ GTVT)

TT	Khu đoạn	Đơn vị	Khối lượng
I	Khu vực Vinh		
1	Nhà xưởng xí nghiệp toa xe Vinh		4392
2	Nhà xưởng xí nghiệp đầu máy Vinh	m ²	1080
3	Vật tư dự trữ	thiết bị	
II	Khu vực TP. HCM		
1	Nhà xưởng xí nghiệp toa xe khách Sài Gòn	m ²	7038
2	Nhà xưởng xí nghiệp toa xe hàng Sài Gòn	m ²	5184
3	Nhà xưởng nhà máy toa xe Dĩ An	m ²	1404
4	Vật tư dự trữ	thiết bị	

Phụ lục 14
Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực quản lý, tổ chức khai thác (Dự kiến xã hội hóa đầu tư)
(Kèm theo Quyết định số: 2477/QĐ-BGTVT ngày 09/7/2015 của Bộ GTVT)

STT	Nội dung
I	Xây dựng hệ thống bán vé điện tử
II	Xây dựng, lắp đặt hệ thống thông tin vô tuyến đoàn tàu mặt đất công nghệ số
III	Thiết bị cơ giới hóa và tự động hóa cho việc thi công, xây dựng cầu, đường, thông tin tín hiệu, xếp dỡ hàng hóa, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt
1	Máy móc duy tu bảo dưỡng cầu đường
2	Máy móc duy tu bảo dưỡng thông tin tín hiệu
3	Thiết bị bốc xếp dỡ